

KẾ HOẠCH

Xã hội hóa các lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa - Thể thao và Y tế giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Bàu Bàng lần thứ XI (nhiệm kỳ 2015 - 2020); các Chương trình hành động của Huyện ủy giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện.

Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng xây dựng kế hoạch xã hội hóa các lĩnh vực về Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa - Thể thao và Y tế giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện tốt quan điểm phát triển kinh tế phải gắn liền với giải quyết các vấn đề xã hội, phát triển công nghiệp - đô thị phải đảm bảo các điều kiện về phát sinh xã hội, đặc biệt là y tế, giáo dục, văn hóa thể thao nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

- Nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao; tạo điều kiện để toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo được thụ hưởng thành quả giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao ở mức độ ngày càng cao. Đồng thời, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện việc xã hội hóa trên nguyên tắc tự tổ chức, tự quản lý, tự chủ kinh phí, tự chịu trách nhiệm và chịu sự quản lý nhà nước.

2. Yêu cầu

- Xã hội hóa phải đảm bảo chất lượng và hiệu quả; đảm bảo sự thống nhất quản lý của Nhà nước; chủ động đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp - đô thị của huyện.

- Việc huy động các nguồn lực xã hội hóa kinh phí, cơ sở vật chất và trang thiết bị từ các tổ chức, cá nhân đóng góp phải thực hiện một cách công khai, minh bạch có hiệu quả.

- Triển khai các hoạt động phù hợp với yêu cầu phát triển lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao của huyện, đúng tiêu chuẩn quy định. Tạo mọi điều kiện về đất đai cũng như cơ sở pháp lý để các tổ chức, cá nhân thuận lợi trong việc đầu tư.

- Bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của các cá nhân, đơn vị tham gia xã hội hóa về lĩnh vực Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa - Thể thao.



II. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH VÀ DỰ BÁO NHU CẦU

1. Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo

1.1. Về quy mô trường, lớp, học sinh

- Mạng lưới trường lớp ở các ngành học, bậc học đã được phủ khắp 7 xã trên toàn địa bàn huyện với quy mô phát triển ngày một tăng.

- Tính đến năm học 2017-2018, toàn huyện có 31 cơ sở giáo dục - đào tạo, chưa kể số nhóm trẻ gia đình, lớp mẫu giáo độc lập (công lập 28, ngoài công lập 3); 455 phòng học với 482 lớp thông thường từ mầm non đến Trung học phổ thông, Giáo dục chuyên biệt. Học sinh toàn huyện hiện có 16.972 em.

Ngành học/cấp học	Loại hình	Số cơ sở giáo dục - đào tạo	Số phòng học	Số lớp	Số học sinh
Mầm non	CL	10	102	100	3.601
	NCL	2	20	15	1.085
Tổng Mầm non		12	122	115	4.686
Tiểu học	CL	11	233	214	6.954
	NCL	1	5	5	117
Tổng Tiểu học		12	238	219	7.071
THCS	CL	6	74	120	4.240
	NCL	0	0	0	0
Tổng THCS		6	74	120	4.240
THPT	CL	1	21	28	975
	NCL	0	0	0	0
Tổng THPT		1	21	28	975
Tổng cộng	CL	28	430	462	15.770
	NCL	3	25	20	1.202
Tổng cộng		31	455	482	16.972

- Từ tháng 4/2014 đến nay, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện đã đầu tư xây dựng 03 trường (02 trường mầm non và 01 trường mầm non - tiểu học), tổng vốn đầu tư 27,4 tỷ đồng với 17 lớp/ 454 trẻ; thành lập 13 nhóm trẻ độc lập với 33 lớp/779 trẻ; 01 cá nhân hiến tặng 14.238 m² đất, trị giá gần 4 tỷ đồng để đầu tư xây dựng 01 trường mầm non; hàng năm, các tổ chức, cá nhân còn hỗ trợ, đóng góp trao tặng học bổng, tập sách, dụng cụ học tập (trên 500 triệu đồng).

1.2. Về biên chế đội ngũ

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được phát triển cả về số lượng và chuẩn hóa về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Hiện nay toàn ngành giáo dục huyện có 873 giáo viên (công lập 839, ngoài công lập 34). Cụ thể: Mầm non: 269 giáo viên (công lập 240; ngoài công lập 29); Tiểu học: 323 giáo viên (công lập 318, ngoài công lập 05); THCS: 223 giáo viên (công lập 223, ngoài công lập 0); THPT: 58 giáo viên (công lập 58, ngoài công lập 0).

1.3. Dự báo nhu cầu học tập trong thời gian tới

Căn cứ tình hình phát triển của các khu công nghiệp: khu công nghiệp Bàu Bàng (xã Lai Uyên), Bàu Bàng mở rộng, khu công nghiệp Tân Bình (Xã Hưng Hòa), khu công nghiệp xã Cây Trường II, ... thì số người lao động đến làm việc và sinh sống tại địa phương tăng dẫn đến nhu cầu học tập của con em người lao động cũng tăng theo.

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân và người lao động trong thời gian tới, huyện dự báo nhu cầu học tập; số lượng học sinh, cán bộ quản lý, giáo viên trong thời gian tới sẽ tăng cao (biểu 1 và biểu 2), cụ thể: Dự kiến đến năm 2025 tăng khoảng 15.000 học sinh, tăng gấp đôi so với hiện nay (trong đó số lượng tăng cao nhất là cấp mầm non: tăng khoảng 9 trường, 160 lớp, 4.464 học sinh), tương ứng với nhu cầu học tập là yêu cầu đáp ứng về cán bộ quản lý, giáo viên trong thời gian tới (đến năm 2025 phải bổ sung thêm 218 cán bộ quản lý và giáo viên tất cả các cấp học). Do đó, việc đầu tư cơ sở vật chất do ngân sách nhà nước chủ yếu là cấp THCS; Cấp mầm non và tiểu học huyện chủ trương đẩy mạnh kêu gọi xã hội hóa.

Ngành học/cấp học	Loại hình	Năm 2020			Năm 2025		
		Số trường	Số lớp	Số HS	Số trường	Số lớp	Số HS
Mầm non	CL	11	125	4.375	12	180	6.300
	NCL	5	55	1.650	9	95	2.850
Tổng Mầm non		16	180	6.025	21	275	9.150
Tỷ lệ tăng so năm học 2017-2018		33%	56,5%	28,6%	75%	139,1%	95,3%
Tiểu học	CL	12	245	8.575	14	315	11.025
	NCL	0	0	0	2	25	750
Tổng Tiểu học		12	245	8.575	16	340	11.775
Tỷ lệ tăng so năm học 2017-2018		0%	11,9%	21,3%	33%	55,3%	66,5%
THCS	CL	7	130	4.550	9	190	6.650
	NCL	1	4	150	2	18	630
Tổng THCS		8	134	4.700	11	208	7.280
Tỷ lệ tăng so năm học 2017-2018		33%	11,7%	10,8%	83,3%	73,3%	71,7%
THPT	CL	1	45	1.900	2	70	2.940
GDTX	CL	1	15	550	1	20	700
Tổng cộng	CL	32	560	19.950	38	775	27.615
	NCL	6	59	1.800	13	138	4.230
Tổng		38	619	21.750	51	913	31.845
Tỷ lệ tăng so năm học 2017-2018		22,58%	26,07%	28,61%	64,52%	85,95%	88,31%

Biểu 1. Dự báo nhu cầu học tập trên địa bàn huyện đến năm 2025

Cấp học	Năm học 2017-2018		Năm 2020				Năm 2025			
	CBQL	GV	CBQL	Tỷ lệ tăng so với năm học 2017-2018	GV	Tỷ lệ tăng so với năm học 2017-2018	CBQL	Tỷ lệ tăng so với năm học 2017-2018	GV	Tỷ lệ tăng so với năm học 2017-2018
Mầm non	30	377	30	0	386	2,39	32	6,67	456	20,95

Tiêu học	29	450	30	3,45	496	10,22	35	20,69	380	-15,56
THCS	13	310	16	23,08	345	11,29	20	53,85	410	32,26
THPT	3	85	3	0	104	22,35	6	100	160	88,24
GDTX	0	0	3	Không tính tỷ lệ	19	Không tính tỷ lệ	3		34	Không tính tỷ lệ
Tổng cộng	75	1.222	82	9,33	1.350	10,47	96	28	1.440	17,84

Biểu 2. Dự báo nhu cầu cán bộ quản lý, giáo viên đến năm 2025

2. Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao

2.1. Về cơ sở vật chất

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đã được giao đất và đang chuẩn bị đầu tư giai đoạn 1 (tường rào, sân bóng đá), dự kiến khởi công trong 6 tháng đầu năm 2018. Cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước còn hạn chế. Đã thành lập Trung tâm Văn hóa thể thao và Học tập cộng đồng của 7/7 xã và 05 Trung tâm đã xây dựng tường rào, sân khấu, khán đài (Lai Uyên, Cây Trường) đáp ứng một phần nhu cầu tập luyện thể dục thể thao của người dân trên địa bàn.

- Bên cạnh những cơ sở vật chất do nhà nước đầu tư thì các tổ chức, cá nhân cũng đã tham gia đầu tư để phục vụ nhu cầu phát triển của huyện. Tổng kinh phí vận động đóng góp, đầu tư là 164, 432 tỷ đồng, trong đó: kinh phí đầu tư là 160,107 tỷ đồng; kinh phí hoạt động là 4,325 tỷ đồng. Cụ thể như:

+ Vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ thực hiện trang trí Tết, tổ chức các hoạt động, chương trình văn nghệ phục vụ Tết và phục vụ công nhân hàng tháng, bắn pháo hoa đêm giao thừa, tổ chức các Hội thi, Đại hội TDTT cấp huyện và nhiều hoạt động thể thao khác... với tổng kinh phí là 3,211 tỷ đồng

+ Thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở vật chất kỹ thuật cho văn hóa thể thao; sự tài trợ, hỗ trợ tổ chức văn nghệ thể thao; công chào tuyên truyền; các thiết chế văn hóa: 03 sân bóng đá lớn, 17 sân bóng mini, 12 sân bóng chuyền, 04 hồ bơi, 03 sân bi sắt, 05 sân cầu lông trong nhà, 07 bàn bóng bàn, 04 aerobic yoga, 08 Gym, thể hình, 27 cơ sở Bida, 14 CLB võ thuật; 18 karaoke; ước tính khoảng 160,107 tỷ đồng (tính cả giá trị đất), hỗ trợ cho các hoạt động sự nghiệp là 1,114 tỷ đồng.

+ Huyện có 06 nhà thi đấu đa năng tại các trường học, chủ yếu phục vụ nhu cầu tập luyện thể dục thể thao rèn luyện thể chất cho học sinh. Ngoài ra, các nông trường cao su Lai Uyên, Tân Hưng, Long Nguyên,... cũng đầu tư kinh phí xây dựng các nhà văn hóa, sân tập luyện thể thao chủ yếu phục vụ công nhân lao động, giao lưu văn nghệ, thể thao.

2.2. Về đội ngũ cán bộ

Đội ngũ làm công tác quản lý và cán bộ công chức, viên chức ngành văn hóa, thể thao của huyện còn thiếu so với nhu cầu thực tế hiện nay (cấp huyện 15 người, cấp xã 7 người)

2.3. Dự báo nhu cầu văn hóa, thể thao trong thời gian tới

Dự báo thời gian tới huyện Bàu Bàng có tốc độ phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh, thu hút nhiều dân nhập cư đến sinh sống và làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp nên nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tập luyện thể dục thể thao sẽ ngày càng cao, bên cạnh đó mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và văn hóa thể thao ngày càng thể hiện rõ nét (các thiết chế văn hóa dần dần được quan tâm đầu tư đồng bộ tại các khu công nghiệp, nhà ở thương mại, khu dân cư...) vì vậy cần tập trung đưa ra những nhiệm vụ, giải pháp quy hoạch phát triển đồng bộ, hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Cán bộ quản lý ngành văn hóa cũng phải được đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Từ nay đến năm 2025: Tập trung tăng cường mời gọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư các loại hình như: Khu vui chơi giải trí tổng hợp, nhà thi đấu đa năng tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện. Sau khi Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đã hoàn thành các phòng chức năng, đơn vị tiếp tục mời gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư dụng cụ, trang thiết bị để thành lập các câu lạc bộ thể hình, thể dục thẩm mỹ, võ thuật.

3. Lĩnh vực Y tế

3.1. Thực trạng ngành Y tế

- Về cơ sở vật chất:

+ Hệ thống y tế công lập: Trung tâm Y tế huyện đang hoạt động tại Trạm y tế xã Lai Uyên có đầu tư thêm một số hạng mục công trình phục vụ công tác chuyên môn, gồm phòng khám đa khoa 20 giường bệnh và 7 Trạm Y tế xã.

+ Hệ thống y tế ngoài công lập gồm có: 19 cơ sở hành nghề y tư nhân (trong đó có 02 phòng khám đa khoa, 02 phòng răng-hàm-mặt, 06 phòng khám nội khoa, 03 phòng khám y học cổ truyền, 05 cơ sở dịch vụ y tế), ngoài ra còn có 80 cơ sở hành nghề được tư nhân.

- Về nguồn lực con người: Dựa theo bảng so sánh giường bệnh, bác sĩ, dược sĩ từ 2017-2020 của tuyến tỉnh và tuyến huyện là có sự thiếu hụt trầm trọng về nhân lực y tế theo đà dân số đến năm 2020 (số bác sĩ/ 1 vạn dân: năm 2017 là 2,98; dự kiến đến năm 2020 là 5,69).

2.2. Dự báo nhu cầu

Về thực trạng trong thời gian tới: Cơ sở vật chất, trang thiết bị, con người về y tế, xây dựng phòng khám đa khoa, bệnh viện và các cơ sở dịch vụ y tế sẽ thiếu rất nhiều so với nhu cầu.

Để đáp ứng được nhu cầu thực trạng trên thì nội lực ngành y tế Bàu Bàng theo cơ chế nhà nước thì không thể đáp ứng được (Bác sĩ, dược sĩ, điều dưỡng, cơ sở vật chất và trang thiết bị).

Kinh phí và tài lực của chính quyền địa phương là không đủ sức đáp ứng cho cả hệ thống y tế huyện, không thể đáp ứng nhu cầu công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

III. NỘI DUNG, GIẢI PHÁP

1. Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo

a) Công tác chỉ đạo, điều hành

Các cấp ủy Đảng quan tâm, tập trung chỉ đạo, quán triệt việc thực hiện các nội dung trong Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo huyện Bàu Bàng giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030, triển khai đến cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân nắm bắt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để cùng nhau thực hiện; Đưa nội dung kế hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương để tổ chức thực hiện.

b) Công tác tuyên truyền

Các cơ quan, ngành, Đoàn thể, Ủy ban nhân dân các xã tập trung tuyên truyền sâu rộng đến mọi đối tượng, mọi tầng lớp nhân dân về nội dung của kế hoạch này bằng nhiều hình thức để cùng nhau xây dựng phát triển huyện nhà.

Tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân về các chương trình, kế hoạch, chính sách ưu đãi của nhà nước cho việc đầu tư xã hội hóa lĩnh vực hoạt động giáo dục tại huyện; đăng tải trên trang thông tin điện tử huyện, tuyên truyền trên hệ thống Đài Truyền thanh huyện, xã, đăng trên báo, đài....

c) Nội dung kêu gọi đầu tư

Tập trung mời gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đầu tư chủ yếu vào cấp Mầm non và Tiểu học. Đồng thời, kêu gọi đầu tư: *Các trung tâm tư vấn, giáo dục hướng nghiệp, đào tạo nghề, trung tâm ngoại ngữ...*

✦ Đối với các khu đất công:

ST T	Tên dự án	Địa chỉ	Quy mô đầu tư	Diện tích	Năm thực hiện
1	Trường Tiểu học Lai Uyên A (Phân hiệu áp 1 Bàu Bàng)	Xã Lai Uyên huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	10 lớp/ngày	4.227 m ²	2019
2	Trường Mầm non Lai Uyên	xã Lai Uyên huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	8 lớp /ngày	1573 m ²	2019
3	Trường Tiểu học Lai Hưng C	xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	16 lớp/ngày	6.063 m ²	2019
4	Trường Mầm non Hoa Hồng	xã Long Nguyên huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	10 lớp/ngày	3.369 m ²	2022
5	Trường Mầm non Hưng Hòa	xã Hưng Hòa huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	10 lớp/ngày	2.345 m ²	2022
6	Trường Mầm non Tân Hưng	xã Tân Hưng huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương	10 lớp/ngày	2.661 m ²	2022

✦ Ngoài danh mục đất công nêu trên còn có các vị trí trong các khu công nghiệp, khu dân cư đã hình thành như: Khu công nghiệp Bàu Bàng, Khu công nghiệp Tân Bình và các vị trí trung tâm của các xã. Đây là những khu tập trung dân cư đông đúc, chính vì vậy Huyện kêu gọi các cá nhân, doanh nghiệp, các chủ đầu tư nhà ở thương mại dịch vụ, nhà ở xã hội, khu dân cư, khu đô thị đầu tư xây dựng trường, đặc biệt là trường mầm non, nhóm lớp, nơi giữ trẻ, ... đáp ứng học tập của con, em người lao động trong các doanh nghiệp nhằm giảm bớt áp lực quá tải đối với cấp học mầm non, tiểu học trên địa bàn trong thời gian tới.

✦ Khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đầu tư dự án trên đất hợp pháp của chủ đầu tư.

Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của cơ sở thực hiện xã hội hóa lĩnh vực giáo dục (*Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm*).

2. Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao

a) Xã hội hóa trên lĩnh vực văn hóa

Mời gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đầu tư tuyên truyền cổ động trực quan với các hình thức pa nô, bảng điện tử, bảng quảng cáo, khu triển lãm... và các hình thức khác phù hợp với quy mô và địa điểm quy hoạch cụ thể: Tại khu đất quy hoạch xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao của huyện, các Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng của các xã, các địa điểm quy hoạch tuyên truyền của huyện.

Khu tổ chức văn nghệ chiếu phim, khu vui chơi, trò chơi tổng hợp, khu vui chơi, dịch vụ giải trí phục vụ nhu cầu giải trí của người dân (cắm trại, câu cá giải trí, du lịch nghiên cứu học tập...), cụ thể: Tại khu đất quy hoạch xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao của huyện, các Trung tâm văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng của các xã, hồ Từ Vân, trong các khu dân cư...

Kêu gọi các tổ chức, cá nhân đóng góp kinh phí cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật nhân các sự kiện của huyện. Tổ chức văn nghệ phục vụ nhân dân, người lao động.

Chú trọng thực hiện các định hướng và giải pháp phát triển công nghiệp giải trí trên lĩnh vực văn hóa theo kế hoạch của huyện.

b) Xã hội hóa trên lĩnh vực Thể thao

Tạo cơ chế thông thoáng, ưu đãi về thuế, tiền thuê đất nhằm mời gọi các tổ chức, cá nhân, thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, hoạt động thể thao như: Hồ bơi, nhà thi đấu đa năng, sân bóng đá, sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, sân quần vợt, cầu lông... tại Khu vực Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, Trung tâm Văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng của các xã trên địa bàn huyện, đất của tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện.

Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (*Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm*).

3. Lĩnh vực Y tế

3.1. Nội dung kêu gọi đầu tư

Huyện Bàu Bàng mời gọi xã hội hóa ngành Y tế với các nội dung sau:

- Xây thêm bệnh viện đa khoa 100 giường với đầy đủ chuyên khoa, trang thiết bị hiện đại phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho công nhân và nhân dân địa phương (Đơn vị Tổng Công ty Becamex IDC): Tại khu dân cư gần trung tâm hành chính huyện.

- Triển khai mời gọi xây dựng các phòng khám đa khoa tư nhân trong huyện (Đơn vị công ty TNHH). Địa điểm: Tại khu dân cư gần trung tâm hành chính huyện, khu đất sau chợ mới xã Long Nguyên, khu dân cư xã Cây Trường II và khu dân cư xã Hưng Hòa (Khu công nghiệp Tân Bình).

- Mời gọi các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đầu tư tuyên truyền cổ động trực quan với các hình thức: pan nô, bảng điện tử, bảng quảng cáo,... và các hình thức khác phù hợp với quy mô và địa điểm quy hoạch.

Ngoài ra, huyện kêu gọi các cá nhân, tổ chức đầu tư các cơ sở tư nhân y, dược, các nhà thuốc tây, quầy thuốc, cơ sở dịch vụ y tế, massage,... để cùng với hệ thống y tế công lập đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng tốt hơn.

Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực Y tế (*Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm*).

3.2. Giải pháp thực hiện

Tuyên truyền rộng rãi chủ trương, chính sách của Đảng bộ và các cấp chính quyền đến mọi tổ chức, doanh nghiệp (kể cả doanh nghiệp nước ngoài), cá nhân trong và ngoài tỉnh thấy được nhu cầu và lợi ích đầu tư y tế tại Bàu Bàng lâu dài trên quan điểm nhân văn cùng có lợi.

Phát triển mạng lưới y tế công lập: Tăng cường nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trung tâm Y tế huyện để đưa vào sử dụng phục vụ cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Kêu gọi, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển dịch vụ y tế trên địa bàn huyện bằng nhiều hình thức, phù hợp với quy hoạch phát triển ngành; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc thành lập bệnh viện ngoài công lập đúng quy hoạch.

Tạo điều kiện phát triển các cơ sở khám bệnh, dịch vụ y tế tư nhân: bác sĩ tư, nhà thuốc tây, nhà thuốc đông nam dược, y học cổ truyền... để góp phần cùng các cơ sở y tế nhà nước khám chữa bệnh chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Mời gọi các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư sản xuất dược liệu, phát triển hệ thống phân phối dược liệu, vật tư y tế...

Với đề xuất xã hội hóa xây dựng Bệnh viện Becamex và 4 phòng khám đa khoa tư nhân trên cơ sở phải đáp ứng đầy đủ về cơ sở vật chất và nhân lực y tế phục vụ cho nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân và giải quyết các tình huống

phức tạp xảy ra như thảm họa dịch bệnh, thiên tai.

Huy động các nguồn lực, đầu tư trang thiết bị y tế công nghệ cao, thể hệ mới theo hình thức xã hội hóa, phát huy hiệu quả sử dụng các thiết bị đã có, đẩy mạnh công tác quản lý về trang thiết bị y tế, từ khâu lựa chọn, mua sắm đến bảo quản, sử dụng và bảo dưỡng theo quy định.

Kêu gọi, phối hợp các cơ sở y tế, các nhà tài trợ trong và ngoài huyện, tổ chức các chương trình, hoạt động khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí cho đối tượng chính sách, người nghèo.

Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ làm công tác y tế cơ sở, y tế học đường, y tế trong các doanh nghiệp; phối hợp tổ chức tập huấn đội ngũ làm công tác chữ thập đỏ, xây dựng mạng lưới cộng tác viên ở cơ sở nhằm sơ, cấp cứu kịp thời các trường hợp tai nạn, thương tích, ngộ độc thực phẩm... đúng cách và có hiệu quả góp phần giảm thiểu thiệt hại xảy ra.

Tập trung các giải pháp phát triển nguồn nhân lực cho ngành y tế: Đào tạo, thu hút và xây dựng chế độ đãi ngộ đối với cán bộ y tế, xây dựng và thực hiện các chính sách đãi ngộ để thu hút nhân lực về phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân tại các bệnh viện trong và ngoài công lập trên địa bàn huyện, tư vấn hướng nghiệp trong các trường học, ...

IV. CHÍNH SÁCH VÀ TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

1. Chính sách ưu đãi đầu tư xã hội hóa

Thực hiện theo các quy định của pháp luật (Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm)

2. Trình tự thủ tục thực hiện đầu tư xã hội hóa

Thực hiện theo các quy định của pháp luật (Chi tiết theo Phụ lục V đính kèm)

V. KINH PHÍ

Nguồn kinh phí xã hội hóa chủ yếu từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài huyện. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, địa phương có thể hỗ trợ quỹ đất sạch, cơ sở hạ tầng hiện có hoặc tham gia vốn đối ứng đầu tư trong dự án.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Y tế, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Văn hóa - Thông tin

- Chủ động tham mưu UBND huyện theo dõi đôn đốc các ngành và địa phương triển khai kế hoạch này, đồng thời phổ biến, tuyên truyền rộng rãi đến mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp Nhân dân trong và ngoài tỉnh biết, tham gia thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp và báo cáo kết quả thực hiện nội dung của ngành mình phụ trách và tổ chức hội nghị sơ tổng kết đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm theo từng năm, cả giai đoạn. Phối hợp Phòng Nội vụ tham mưu khen thưởng các tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp, tiêu biểu trong công tác xã hội hóa.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch: Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan dự trù, bố trí kinh phí thực hiện kế hoạch và hướng dẫn thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa - Thể thao theo quy định của Bộ, Ngành Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Phòng Nội vụ: Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp cho huyện trong công tác xã hội hóa, nhằm động viên khích lệ tinh thần.

4. Đài Truyền thanh: Tuyên truyền các chính sách thu hút đầu tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tư nhân tham gia đầu tư xã hội hóa. Thường xuyên đưa tin, bài viết về gương người tốt, việc tốt trong hoạt động xã hội hóa lĩnh vực Y tế, Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa - Thể thao của huyện.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các Đoàn thể: Phát huy vai trò tuyên truyền bằng nhiều hình thức để nội dung kế hoạch này được phổ biến đến các tổ chức, cá nhân và mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn.

6. Các phòng, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch giai đoạn và hàng năm của địa phương để triển khai thực hiện; bố trí cán bộ theo dõi tình hình triển khai ở địa phương để tổng hợp báo cáo theo quy định những kết quả đạt được cũng như khó khăn tồn tại để xin ý kiến thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch xã hội hóa các lĩnh vực về Giáo dục - Đào tạo, Văn hóa - Thể thao và Y tế của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng. Đề nghị các cơ quan, đơn vị và địa phương khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- Các CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Tuyên giáo HU;
- UB MTTQ huyện và các Đoàn thể;
- Các cơ quan, phòng ban, ngành;
- UBND các xã;
- Lưu: VT. *vn*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Khắc Tri

Phụ lục I
DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CƠ
SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA LĨNH VỰC GIÁO DỤC
(Kèm theo Kế hoạch số: 57 /KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018
của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng)

STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Trường mầm non tối thiểu có từ 03 nhóm/lớp mẫu giáo trở lên với số lượng ít nhất 50 trẻ trở lên.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện xã hội hóa, đầu tư vốn, huy động vốn theo quy định của pháp luật. - Diện tích đất tối thiểu: 1800m², thu nhận trẻ 150 trẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. - Trang cấp đầy đủ về cơ sở vật chất: bình quân cho một trẻ 12m²; trang thiết bị tối thiểu theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đội ngũ: định biên 2,5 giáo viên/nhóm trẻ, 2,2 giáo viên/lớp mẫu giáo; tài chính để chi hoạt động thường xuyên của cơ sở. - Thực hiện theo Thông tư 17 và Thông tư 28 chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. - CBQL theo quy định Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành 01 hiệu trưởng và 01 phó hiệu trưởng đối với trường mầm non loại 2 dưới 9 nhóm/lớp;
2	Trường mầm non tối đa 20 nhóm/lớp	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện xã hội hóa, đầu tư vốn, huy động vốn theo quy định của pháp luật. - Diện tích đất tối thiểu: 7200m², thu nhận trẻ 600 trẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. - Trang cấp đầy đủ về cơ sở vật chất: bình quân cho một trẻ 12m²; trang thiết bị tối thiểu theo quy định Thông tư 01/VBHN-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đội ngũ: định biên 2,5 giáo viên/nhóm trẻ, 2,2 giáo viên/lớp mẫu giáo; tài chính để chi hoạt động thường xuyên của cơ sở. - Thực hiện theo Thông tư 17



			<p>và Thông tư 28 chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p> <p>- CBQL theo quy định Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành có 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đối với trường mầm non loại 2 từ 9 nhóm/lớp trở lên.</p>
3	Nhóm trẻ - lớp mẫu giáo độc lập từ 01 đến 04 nhóm/lớp.	<p>- Thực hiện xã hội hóa, đầu tư vốn theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Diện tích đất tối thiểu: 660m², thu nhận trẻ 50 trẻ.</p>	<p>- Theo quy định Điều lệ trường mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p> <p>- Trang cấp đầy đủ về cơ sở vật chất: bình quân cho một trẻ 12m²; trang thiết bị tối thiểu theo quy định Thông tư 01/VBHN-BGDĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đội ngũ: định biên 2,5 giáo viên/nhóm trẻ, 2,2 giáo viên/lớp mẫu giáo; tài chính để chi hoạt động thường xuyên của cơ sở.</p> <p>- Thực hiện theo Thông tư 17 và Thông tư 28 chương trình GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p> <p>- Chủ cơ sở có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng trung cấp chuyên nghiệp trở lên, Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chăm sóc - nuôi dưỡng - giáo dục trẻ hoặc bồi dưỡng cán bộ quản lý.</p>
4	Trường tiểu học tối đa 30 lớp. Mỗi lớp tối đa 35 học sinh.	<p>- Thực hiện xã hội hóa, đầu tư vốn, huy động vốn theo quy định của pháp luật.</p>	<p>- Theo quy định Điều lệ trường tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.</p> <p>- Trang cấp đầy đủ về cơ sở vật chất: bình quân cho một trẻ 10m²; trang thiết bị tối thiểu theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; đội ngũ: định biên 1,2 giáo viên/lớp đối với trường 1 buổi, 1,5 giáo viên/lớp đối với trường 2 buổi/ngày; tài chính để chi hoạt</p>

			<p>động thường xuyên của cơ sở.</p> <ul style="list-style-type: none">- Thực hiện theo Thông tư 42 và Thông tư 59 chương trình GDTH do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.- CBQL theo quy định Điều lệ trường tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành 01 hiệu trưởng và 01 đến 2 phó hiệu trưởng.
--	--	--	---



Phụ lục II
DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA
CÁC CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH

(Kèm theo Kế hoạch số: 57 /KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018
của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng)

A. Lĩnh vực văn hóa

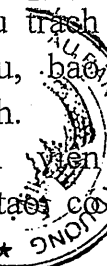
Stt	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1	- Trung tâm văn hóa ngoài công lập cấp huyện, cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện xã hội hóa, góp vốn, huy động vốn theo quy định của pháp luật. - Có diện tích đất tối thiểu: cấp huyện là 2.500 m², cấp xã 1.000 m² - Địa điểm: TTVH huyện và TTVH các xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy chế mẫu về tổ chức, hoạt động của Trung tâm văn hóa cấp huyện, cấp xã do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. - Nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị và mở rộng loại hình hoạt động, đối tượng phục vụ.
2	- Khu văn hóa đa năng ngoài công lập.	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, dự án độc lập. - Có diện tích đất tối thiểu là 2.500 m² - Địa phương có quy hoạch (hoặc phù hợp với KH sử dụng đất của địa phương) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức nhiều loại hình văn hóa, các dịch vụ văn hóa, thể thao, thương mại, du lịch, vui chơi giải trí công nghệ cao, phục vụ theo nhu cầu của các nhóm đối tượng.
3	- Nhà văn hóa ngoài công lập hoạt động ở khu vực huyện thị	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi hoạt động cấp xã hoặc cấp vùng. - Có diện tích tối thiểu nhà 200 m², đất 2.000 m² - Địa phương có quy hoạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 03 lao động quản lý thường xuyên. - Có số buổi hoạt động tối thiểu 120 buổi/năm.
4	Nhà hát tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Quy mô 5.000 chỗ - Địa điểm: TTVH huyện 	



Stt	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
5	Bảo tàng mỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tối thiểu 250 m² bao gồm diện tích trưng bày, khuôn viên, kho tàng, khu phụ trợ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Có tối thiểu 200 tác phẩm nghệ thuật đạt chất lượng nghệ thuật cao được Hội đồng nghệ thuật chuyên ngành thẩm định.
6	- Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng bản sách ít nhất 500 bản. - Tên ấn phẩm định kỳ (báo, tạp chí) ít nhất 01 tên. - Kho: Đáp ứng yêu cầu lưu giữ vốn tài liệu hiện có và vốn tài liệu sẽ phát triển sau 3-5 năm với diện tích 1,5m²/01 đơn vị tài liệu. - Số chỗ ngồi đọc tối thiểu: 10 chỗ với diện tích 1,0m²/01 chỗ ngồi đọc. - Trang thiết bị chuyên dùng: Có đủ giá sách để lưu giữ số sách, báo hiện có; bàn ghế cho người đọc; hộp mục lục hoặc bản danh mục tài liệu của thư viện. -Địa điểm: TTVH huyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thư viện được thành lập theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Phòng Văn hoá thông tin cấp huyện hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (nơi thư viện đặt trụ sở) cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thư viện.

B. Lĩnh vực thể dục thể thao

Stt	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
-----	--	--------------------	-----------------------

Stt	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Sân thể thao, bao gồm: Sân điền kinh, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân quần vợt, sân bóng rổ, sân bóng ném, sân tập, sân vận động, khu liên hợp thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tối thiểu 100m² đối với sân tập loại nhỏ; 500m² đối với sân tập loại trung bình trở lên - Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 287-2004. + Địa điểm: TTVH huyện và TTVH các xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. - Có ban quản lý chịu trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo quản, vận hành sân vận động - Có đội ngũ nhân viên chuyên môn được cấp chứng chỉ - Có các dịch vụ tập luyện, thi đấu thể thao tại địa phương. - Đáp ứng các quy định về an toàn, phòng chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường - Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt
2	Bể bơi, bể nhảy cầu, bể vầy, bể hỗn hợp, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước.	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tối thiểu 400m² - Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TCXDVN 288 - 2004 - Địa điểm: TTVH huyện và TTVH các xã 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ban quản lý chịu trách nhiệm quản lý, duy tu, bảo quản, vận hành công trình. - Có đội ngũ nhân viên chuyên môn được đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn. *  - Có đội ngũ nhân viên cứu hộ. - Có hệ thống xử lý nước thải bảo đảm các quy định về vệ sinh môi trường. - Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Được thành lập theo quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (đối với câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ thể thao dưới nước).
3	Nhà tập luyện thể thao	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích tối thiểu 100m² có mái che đối với nhà tập đơn môn; 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ban quản lý và đội ngũ nhân viên được đào tạo, cấp chứng chỉ chuyên môn.

Stt	Danh mục các loại hình xã hội hóa (cơ sở xã hội hóa)	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn chất lượng
		200m ² có mái che đối với nhà tập đa môn. - Quy mô thiết kế, xây dựng đáp ứng các quy định tại tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam TC XDVN 281 - 2004. - Địa điểm: TTVH huyện và TTVH các xã	- Trang thiết bị phục vụ tập luyện đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên môn của từng môn do liên đoàn hiệp hội thể thao quốc gia quy định. - Có các hạng mục phụ trợ (phòng vệ sinh, phòng thay quần áo). - Tổ chức các hoạt động thể dục thể thao phục vụ cộng đồng. - Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
4	Đơn vị sản xuất dụng cụ thể dục thể thao	- Được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. - Sản xuất, cung ứng các dụng cụ, trang thiết bị thể dục thể thao phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước.	- Đáp ứng các quy định tại Điều 55, Luật thể dục, thể thao và các quy định pháp luật liên quan. - Được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể dục thể thao.

*** Ngoài các danh mục nêu trên Ủy ban nhân dân huyện Bà Bằng kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư vào xã hội hóa vào các hoạt động Văn hóa - Văn nghệ, thể thao như:**

- Các cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu Văn hóa thể thao ở địa phương, trong các trường học (sân bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông ở các Trung tâm Văn hóa, thể thao và học tập cộng đồng của các xã).

- Các sự kiện về Văn hóa: Tổ chức các đêm văn nghệ phục vụ nhân dân, hội thi, hội diễn...

- Đầu tư khu vực giải trí phục vụ người nước ngoài.

- Các sự kiện thể thao, các giải thể thao của huyện

- Đầu tư tham gia các giải của tỉnh cũng như toàn quốc.

Phụ lục III
DANH MỤC LOẠI HÌNH, TIÊU CHÍ QUY MÔ, TIÊU CHUẨN CỦA CÁC
CƠ SỞ THỰC HIỆN XÃ HỘI HÓA TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

(Ban hành theo Quyết định số: 57 /KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018
 Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng)



STT	Danh mục các loại hình xã hội hóa	Tiêu chí về quy mô	Tiêu chuẩn về cơ sở, trang thiết bị y tế
1	Bệnh viện đa khoa ngoài công lập cấp huyện	Thực hiện xã hội hóa, góp vốn huy động vốn theo quy định của pháp luật. Quy mô: bệnh viện 100 giường Diện tích đất là 5 hecta Địa điểm: gần khu trung tâm hành chính huyện (thuộc xã Lai Uyên)	Nghị định 109/2016/NĐ/CP ngày 01/7/2016 về Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Danh mục trang thiết bị tối thiểu phải theo Quyết định số 347/QĐ-BYT về việc ban hành danh mục trang thiết bị y tế cho BVĐK tỉnh, BVĐK huyện, PKĐKKV, TYT và Y tế thôn bản và Quyết định số 1419/QĐ-BYT về việc ban hành danh mục trang thiết bị y tế cho BVĐK tỉnh, BVĐK huyện, PKĐKKV, TYT (có bổ sung).
2	Phòng khám đa khoa tư nhân (03 địa điểm)	Thực hiện xã hội hóa, góp vốn huy động vốn theo quy định của pháp luật. Quy mô: Phòng khám đa khoa Diện tích đất: 1 hecta/phòng khám Địa điểm: gần trung tâm hành chính huyện (thuộc xã Lai Uyên), xã Cây Trường II, Long Nguyên và Hưng Hòa	Nghị định 109/2016/NĐ/CP ngày 01/7/2016 về Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Tối thiểu phải theo Quyết định số 2271/QĐ-BYT của Bộ Y tế về quy định tiêu chuẩn ngành trong thiết kế xây dựng trạm y tế xã.

Phụ lục IV
CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÃ HỘI HÓA
(Kèm theo Kế hoạch số: 57 /KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018
của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng)

1. Điều kiện để được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Dự án phải thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 và Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2013.

- Dự án phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, quy hoạch ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đảm bảo các quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Chính sách đất đai trong lĩnh vực xã hội hóa

2.1. Về thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

a) Trường hợp Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng của Nhà nước để xây dựng công trình xã hội hóa:

Căn cứ Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thì Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

b) Trường hợp Cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư dự án xã hội hóa trên đất chưa thực hiện giải phóng mặt bằng:

Đối với trường hợp Cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư dự án xã hội hóa trên đất chưa thực hiện giải phóng mặt bằng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ khả năng ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê để thực hiện dự án xã hội hóa; trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không cân đối được ngân sách địa phương để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng cho nhà đầu tư thuê để thực hiện dự án xã hội hóa thì Cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng cho Nhà nước để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng. Đối với tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng do Cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước được xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014



của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ.

c) Trường hợp Cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư dự án trên đất hợp pháp của chủ đầu tư mà chưa phải là đất xây dựng cơ sở văn hoá, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo thì cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất sang loại đất phù hợp theo quy định (Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo hình thức cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm hoặc cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê trên cơ sở dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất của Cơ sở thực hiện xã hội hóa).

2.2. Thời gian, trình tự thực hiện thủ tục cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Thời gian thực hiện thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với doanh nghiệp đã thành lập là 39 ngày làm việc.

Trình tự thực hiện thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh: thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy định về trình tự thực hiện thủ tục thẩm định quyết định chủ trương đầu tư kết hợp thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương, ban hành kèm theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Dương.

3. Chính sách thuế trong lĩnh vực xã hội hóa

3.1. Cho thuê, xây dựng cơ sở vật chất quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP được hướng dẫn như sau

3.1.1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa.

3.1.2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa quy định tại điểm 2, Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP thì số tiền thuê ứng trước được quy đổi ra số năm, tháng đã hoàn thành nghĩa vụ về thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa. Sau khi hết thời gian đã hoàn thành nghĩa vụ về tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa, giá thuê được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lại sau khi thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm xác định lại giá cho thuê.

3.1.3. Giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa:

Căn cứ vào từng khu vực, lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa tại địa phương được UBND tỉnh ban hành theo quy định tại điểm 2, Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP, sau khi thỏa thuận với cơ sở thực hiện xã hội hóa và tính đến các yếu tố khuyến khích xã hội tại địa phương, UBND Tỉnh quyết định mức giá cho

thuê cụ thể đối với cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý trong khung giá thuê theo quy định.

* Khung giá cho thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa: Giá thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa được hình thành trên cơ sở giá thuê tài sản trên đất và tiền thuê đất (nếu có) sau khi đã được ưu đãi (miễn, giảm) theo quy định.

Về tiền thuê đất được xác định theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước sau khi đã trừ đi số tiền được ưu đãi theo mức miễn, giảm phù hợp với khi vực, lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa tại địa phương do UBND Tỉnh ban hành

Về giá thuê tài sản trên đất (không bao gồm tiền thuê đất):

Giá thuê tối đa: được xác định phù hợp với mức giá thuê phổ biến trên thị trường tại thời điểm ký hợp đồng thuê.

Giá thuê tối thiểu: được xác định trên nguyên tắc bảo toàn chi phí hình thành nên tài sản cho thuê và bù đắp chi phí bảo trì, bảo dưỡng.

* Thời điểm tính tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa là thời điểm ký hợp đồng thuê. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước tiền thuê để xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa: Thời điểm tính tiền thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa là thời điểm đơn vị bàn giao cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa cho cơ sở thực hiện là xã hội hóa sử dụng.

3.1.4. Hồ sơ, thủ tục để được xét hưởng ưu đãi thuê cơ sở hạ tầng, công trình xã hội hóa theo hướng dẫn tại điểm 3, Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP.

3.2. Cho thuê đất quy định tại Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP như sau

3.2.1. Ưu đãi về tiền thuê đất:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Nhà nước cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo hình thức cho thuê đất miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê. Trừ trường hợp sau: Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại các đô thị, UBND tỉnh căn cứ điều kiện thực tế của địa phương và Danh mục lĩnh vực và địa bàn ưu đãi xã hội hóa của địa phương để ban hành mức miễn, giảm tiền thuê đất theo từng lĩnh vực và khu vực địa bàn ưu đãi xã hội hóa tại địa phương sau khi xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

3.2.2. Khoản tiền nhà đầu tư đã trả để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) để thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại điểm 3, Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP được xác định theo giá đất của mục đích sử dụng đất nhận chuyển nhượng tại thời điểm được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không vượt quá tiền bồi thường, hỗ trợ tương ứng với trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

3.2.3. Việc miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại điểm 1, điểm 2 và điểm 4, Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau: Cơ sở thực hiện xã hội hóa có dự án xã hội hóa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật và được Nhà nước cho thuê đất để thực hiện dự án mà nội dung dự án đã được phê duyệt đáp ứng danh mục các loại hình, quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định thì được hưởng chính sách ưu đãi về đất theo quy định tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP kể từ thời điểm có quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan thuế ban hành quyết định miễn, giảm tiền thuê đất theo Quy định tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư số 156/2014/TT-BTC tại thời điểm có quyết định cho thuê đất hoặc quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa không đáp ứng quy định về tiêu chí, quy mô, tiêu chuẩn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo các nội dung đã cam kết thì cơ sở thực hiện xã hội hóa phải nộp tiền thuê đất đã được miễn, giảm theo chính sách và giá đất tại thời điểm được hưởng ưu đãi về đất và tiền chậm nộp tiền thuê đất của thời gian đã miễn giảm, giảm tính trên số tiền thuê đất được miễn, giảm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3.2.4. Việc xử lý số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng trong trường hợp Nhà nước ứng tiền để thực hiện hoặc do cơ sở thực hiện xã hội hóa tự nguyện ứng tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng được thực hiện theo quy định tại điểm 5, Khoản 3, Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 77/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

3.2.5. Tính giá trị QSDĐ vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và các quyền về đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa

- Khi được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn tiền đất cho toàn bộ thời gian của dự án hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm thì cơ sở thực hiện xã hội hóa không được tính giá trị QSDĐ vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê QSDĐ; không được thừa kế, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng QSDĐ thuê.

- Khi được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn tiền thuê đất trong một số năm thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được tính giá trị QSDĐ theo số tiền thuê đất đã nộp vào giá trị tài sản của dự án đầu tư. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được chuyển nhượng, tặng cho, cho thuê QSDĐ; thừa kế, thế chấp, góp vốn bằng QSDĐ thuê trong phần giá trị QSDĐ tương ứng với số tiền thuê đất phải nộp của thời gian nộp tiền thuê đất. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thực hiện các quyền trên kể từ thời điểm thực hiện nộp tiền thuê đất vào ngân sách nhà nước (NSNN)

3.2.6. Chuyển nhượng dự án xã hội hóa

- Trong quá trình thực hiện dự án, vì lý do khách quan không thể tiếp tục thực hiện dự án trên đất đã được Nhà nước cho thuê vì cơ sở thực hiện xã hội hóa được chuyển nhượng dự án này theo Pháp luật về kinh doanh bất động sản và

pháp luật về đất đai nếu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển nhượng dự án bằng văn bản. Người nhận chuyển nhượng dự án phải cam kết bảo đảm tiếp tục thực hiện dự án xã hội hóa theo đúng mục tiêu và mục đích sử dụng đất của dự án; người nhận chuyển nhượng tiếp tục được hưởng các ưu đãi về đất đai theo chính sách xã hội hóa của người chuyển nhượng dự án cho thời gian thuê đất còn lại kể từ ngày nhận chuyển nhượng dự án.

- Giá trị dự án chuyển nhượng do hai bên thỏa thuận
- Việc hoàn tất thủ tục về cho thuê đất giữa nhà đầu tư cũ và nhà đầu tư mới khi chuyển nhượng dự án xã hội hóa thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

3.3. Về thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

- Tại điểm b, Khoản 2, Điều 1; Khoản 2 Điều 7 và Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách xã hội hóa đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, quy định như sau:

“Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đăng ký với cơ quan thuế khi hoạt động làm căn cứ xác định ưu đãi và nghĩa vụ về thuế”

“Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu đãi về thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.”

- Tại Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT quy định:

“13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học; dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao; nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hoá, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp.”

Căn cứ các quy định nêu trên, các lĩnh vực hoạt động giáo dục và đào tạo thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

3.4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- Theo quy định tại Khoản 2a, Điều 15 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp có quy định:

“Áp dụng thuế suất 10% đối với các khoản thu nhập sau:

a) *Phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường.*

Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các doanh nghiệp thực hiện xã hội hóa quy định tại Khoản này do Thủ tướng Chính phủ quy định;”

Khoản 1b và Khoản 2, Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định:

“1. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với:

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa tại địa bàn không thuộc danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.”

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/05/2008 của Chính phủ: Cơ sở thực hiện xã hội hoá có thu nhập từ hoạt động xã hội hoá được áp dụng thuế suất thuế TNDN là **10% trong suốt thời gian hoạt động**. Cơ sở thực hiện xã hội hoá mới thành lập kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được miễn thuế TNDN trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo.

Như vậy căn cứ theo quy định nêu trên, huyện Bàu Bàng thuộc tỉnh Bình Dương không thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn nên kể từ ngày 01/01/2014 cơ sở thực hiện xã hội hoá chỉ được miễn thuế TNDN 4 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo.

3.5. Sử dụng hoá đơn và kê khai thuế

Tại Khoản 3, Mục VI Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ có quy định: Cơ sở thực hiện xã hội hoá phải thực hiện kê khai nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật về thuế, và thực hiện xuất hoá đơn đối với các khoản thu từ hoạt động xã hội hoá theo đúng quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng hoá đơn. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo các chế tài của pháp luật về thuế hiện hành.

Phụ lục V

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÃ HỘI HÓA

(Kèm theo Kế hoạch số: 57 /KH-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018
của Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng)



Bước 1: Các chủ thể trình xin được đầu tư công trình xã hội hóa của tổ chức, cá nhân đề nghị các chủ đầu tư tiến hành trình cơ quan chủ quản trình tỉnh xin chủ trương chấp thuận cho các đơn vị, doanh nghiệp được thực hiện đầu tư xã hội hóa cho lĩnh vực mình đầu tư. Trình tự phạm vi thực hiện tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 156/2008/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC.

Bước 2: Sau khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền cấp phép hoạt động chủ đầu tư thực hiện Khoản 2 Mục I của Thông tư số 135/2008/TT-BTC.

Đối với các dự án đầu tư trong nước và ngoài nước trong lĩnh vực xã hội hóa được áp dụng các chính sách ưu đãi được quy định tại Điều 2 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP và Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

Bước 3: Thực hiện các thủ tục về đất, xây dựng cơ sở vật chất được quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

Giá ưu đãi, miễn giảm khi thực hiện thuê đất được quy định tại điểm 1, 2, 3, 4 Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 59/2014/NĐ-CP; tiền thuê đất được xác định theo quy định tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Bước 4: Các chính sách chuyển nhượng, các ưu đãi về chính sách thuế Giá trị gia tăng (GTGT) được quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều 1; khoản 2 Điều 7; khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Điều 4 của Thông tư số 2019/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN): Thực hiện theo quy định tại Khoản 2a Điều 15 và Khoản 1a, và Khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 và Điều 8 của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và khoản 3, Mục IV của Thông tư số 135/2008/TT-BTC.

Sau khi có chủ trương và tìm hiểu thực hiện các hướng dẫn nêu trên đề nghị Chủ đầu tư tham khảo thêm các quy định để tiếp tục thực hiện theo trình các quy định cho công tác xã hội hóa tại các văn bản hướng dẫn sau:

- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

- Thông tư số 135/2008/TT-BTC 31/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, và Thông tư số 156/2008/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 135/2008/TT-BTC.

- Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 22/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về ban hành về chế độ miễn giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.